

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NN

Tuần Giáo, ngày tháng 03 năm 2021

V/v tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn triển khai Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành..

Kính gửi:

- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19/11/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020. Để hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 24/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các Thông tư: số 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2019 Quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; số 21/2019/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2019 Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về thức ăn chăn nuôi; số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi; số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

Ngày 01/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2021/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/4/2021.

Để tổ chức, triển khai Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành đồng bộ, thống nhất và hiệu quả. UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện một số nội dung như sau:

1. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến nội dung Luật Chăn nuôi năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi tới các tổ chức, cá nhân đang thực hiện hoạt động chăn nuôi trên địa bàn (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

2. Phổ biến, hướng dẫn triển khai tới các hộ chăn nuôi tại địa phương thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với UBND các xã, thị trấn theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm mục đích đáp ứng điều kiện, đảm bảo quyền và lợi ích của người chăn nuôi trong việc hưởng chính sách hỗ trợ khi thiên tai, dịch bệnh xảy ra (quy định tại Điều 4 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ Về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh Điện Biên).

- Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định, hướng dẫn chi tiết tại mục 4. Kê khai hoạt động chăn nuôi của Phụ lục I kèm theo Văn bản này.

- Trên cơ sở kê khai hoạt động chăn nuôi của tổ chức, cá nhân, UBND các xã, thị trấn tổng hợp báo cáo quý gửi UBND huyện (*qua phòng Nông nghiệp và PTNT; bản mềm gửi qua gmail: nongnghieptuangiao@gmail.com.*) chậm nhất ngày 03 của tháng đầu quý tiếp theo theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo công văn này.

- Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp, tham mưu cho UBND huyện báo cáo kê khai hoạt động chăn nuôi quý của huyện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chậm nhất ngày 08 của tháng đầu quý tiếp theo mẫu tại Phụ lục V đính kèm văn bản này, bản mềm gửi qua gmail: cnts.dienbien@gmail.com (*Lưu ý: Chỉ chuyển bản mềm sau khi đã được Lãnh đạo UBND huyện phê duyệt*).

3. Trong quá trình hướng dẫn, triển khai thực hiện Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị UBND các xã, thị trấn tham gia ý kiến đóng góp, kiến nghị bằng văn bản về phòng Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung.

Nhận được Văn bản này, yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn phối hợp tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo nội dung yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Huyện ủy (B/c);
- TT. HĐND huyện (B/c);
- LĐ. UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

PHỤ LỤC I

Một số nội dung chi tiết Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cần tập trung tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn triển khai
(Kèm theo Văn bản số /UBND-NN ngày tháng 3 năm 2021 của UBND huyện Tuần Giáo)

1. Quy mô chăn nuôi

* Quy mô chăn nuôi bao gồm các loại sau đây:

- Chăn nuôi trang trại bao gồm chăn nuôi trang trại quy mô lớn, quy mô vừa và quy mô nhỏ;

- Chăn nuôi nông hộ.

* Quy mô chăn nuôi gia súc, gia cầm được quy định như sau:

- Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: Từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên;

- Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: Từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi;

- Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: Từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi;

- Chăn nuôi nông hộ: Dưới 10 đơn vị vật nuôi.

* Cách xác định quy mô chăn nuôi:

Để xác định được quy mô chăn nuôi cần tính toán được số đơn vị vật nuôi.

Công thức tính đơn vị vật nuôi (ĐVN) thông qua hệ số đơn vị vật nuôi (HSVN) như sau: $ĐVN = HSVN \times \text{Số con}$.

Trong đó: $HSVN = \text{Khối lượng hơi trung bình của vật nuôi} / 500$.

HSVN của từng loại vật nuôi được chi tiết tại Phụ lục V, kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/1/2020 của Chính Phủ.

Ví dụ 1: Một hộ chăn nuôi 04 con bò lai Sind được xếp loại quy mô chăn nuôi nào?

$ĐVN = HSVN (\text{bò lai}) \times 4 = 0,7 \times 4 = 2,8 \rightarrow$ xếp loại chăn nuôi quy mô nông hộ (do $ĐVN < 10$ đơn vị vật nuôi).

Ví dụ 2: Một hộ chăn nuôi 09 con trâu và 07 con nghé (dưới 6 tháng tuổi) được xếp vào loại quy mô chăn nuôi nào?

$ĐVN = HSVN (\text{trâu}) \times 9 + HSVN (\text{nghé}) \times 7 = 0,7 \times 9 + 0,24 \times 7 = 7,98 \rightarrow$ xếp loại quy mô chăn nuôi nông hộ (do $ĐVN < 10$ đơn vị vật nuôi).

Ví dụ 3: Một hộ chăn nuôi 50 con gà lấy trứng và 30 con ngan được xếp loại quy mô chăn nuôi nào?

$ĐVN = HSVN (\text{gà hướng trứng}) \times 50 + HSVN (\text{ngan}) \times 30 = 0,0036 \times 50 + 0,0056 \times 30 = 0,348 \rightarrow$ xếp loại quy mô chăn nuôi nông hộ (do $ĐVN < 10$ đơn vị vật nuôi).

Ví dụ 4: Một hộ chăn nuôi nhiều loại vật nuôi, bao gồm: 05 con bò Vàng, 16 con trâu, 20 con thỏ, 50 con ngan được xếp loại quy mô chăn nuôi nào?

$ĐVN = HSVN(\text{bò nội}) \times 5 + HSVN(\text{trâu}) \times 16 + HSVN(\text{thỏ}) \times 20 + HSVN(\text{ngan}) \times 50 = 0,34 \times 5 + 0,7 \times 16 + 0,005 \times 20 + 0,0056 \times 50 = 13,28 \rightarrow$ xếp loại chăn nuôi quy mô trang trại nhỏ (do số ĐVN nằm trong khoảng từ 10 đến dưới 30).

2. Chăn nuôi trang trại

2.1. Theo quy định tại Điều 55 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14, chăn nuôi trang trại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 53 của Luật Chăn nuôi;

- Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi;

- Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi;

- Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi;

- Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại. Theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 và Quyết định số 06/QĐ-BNN-CN ngày 02/01/2020, nội dung này được cụ thể như sau:

- + Nguyên tắc xác định khoảng cách trong chăn nuôi trang trại

Nguyên tắc xác định khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi là khoảng cách ngắn nhất từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến tường rào hoặc ranh giới của đối tượng chịu ảnh hưởng;

Nguyên tắc xác định khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến trang trại chăn nuôi là khoảng cách ngắn nhất từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi của trang trại khác.

- + Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 100 mét; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 150 mét.

- + Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô vừa đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 200 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 300 mét.

+ Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 400 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 mét.

+ Khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 mét.

2.2. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn phải được cấp Giấy chứng nhận điều kiện chăn nuôi.

3. Chăn nuôi nông hộ

Đối với chăn nuôi phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 56 Luật Chăn nuôi, cụ thể:

- Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người.
- Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi.
- Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

4. Kê khai hoạt động chăn nuôi

Quy định về kê khai hoạt động chăn nuôi căn cứ theo Điều 54 Luật Chăn nuôi và được hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 23/2019/TTBNNPTNT ngày 30/11/2019, theo đó được quy định như sau:

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải kê khai hoạt động chăn nuôi về loại, số lượng vật nuôi theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư.
- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi từ ngày 25 đến ngày 30 của tháng cuối quý theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư.

Phụ lục II

LOẠI VẬT NUÔI VÀ SỐ LƯỢNG VẬT NUÔI TỐI THIỂU PHẢI KÊ KHAI (Kèm theo Văn bản số /UBND-NN ngày tháng 3 năm 2021 của UBND huyện Tuần Giáo)

TT	Loại vật nuôi	ĐVT	Số lượng
I	Gia súc		
1	Trâu	Con	01
2	Bò	Con	01
3	Ngựa	Con	01
4	Dê	Con	05
5	Cừu	Con	05
6	Thỏ	Con	25
7	Lợn thịt	Con	05
8	Lợn nái	Con	01
9	Lợn đực giống	Con	01
II	Gia cầm		
1	Gà	Con	20
2	Vịt	Con	20
3	Ngan	Con	20
4	Ngỗng	Con	20
5	Đà điểu	Con	01
6	Chim cú	Con	100
7	Bồ câu	Con	30
III	Động vật khác		
1	Hươu sao	Con	01
2	Chim yến	Nhà	01

3	Ong mật	Đàn	15
4	Chó	Con	01
5	Mèo	Con	01
6	Dông	Con	10
7	Vịt trời	Con	20
8	Dế	m ²	05
9	Bò cạp	m ²	01
10	Tằm	Ô	50
11	Giun quế (trùn quế)	m ²	05
12	Rồng đất	Con	50

Phụ lục III

MẪU KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

(Theo Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Tên chủ hộ/cơ sở:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại (nếu có):.....,

Số TT	Loại vật nuôi trong quý	Đơn vị tính	Số lượng nuôi trong quý	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong quý (con)	Sản lượng vật nuôi xuất trong quý (kg)	Ghi chú
1									
2									
...									

Ghi chú: Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi nộ bản kê khai trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thư điện tử, Gmail, fax.

....., Ngày tháng..... năm

Chủ hộ

(Ký, ghi rõ họ tên)